

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

Số: 94/2020/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Ninh Bình, ngày 06 tháng 07 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 130/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 06 năm 2020, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Y, sinh năm: 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, phố K, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: Khu phố H, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn B, sinh năm: 1983; địa chỉ: Tổ 1, phố K, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 06 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Y và anh Phạm Văn B.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Phương M, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2008 và cháu Phạm Thị Mai H, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2012 cho anh Phạm Văn B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Y và anh B tự thỏa thuận không đề nghị Tòa giải quyết.

Chị Lê Thị Y có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Lê Thị Y và anh Phạm Văn B không có tài sản chung và công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Lê Thị Y nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001552 ngày 16 tháng 06 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình. Trả lại cho chị Lê Thị Y 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Ninh Bình;
- Chi cục THADS thành phố Ninh Bình;
- UBND phường Ninh Phong;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Phương

